TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM** **……*……**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ……*……

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25 -10 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mạnh Xuân Hải;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Minh Tuấn và ông Trần Đức Liên;

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Phạm Thị Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên tham gia phiên toà: bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2019/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp "*Ly hôn và con chung*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Chị **Trần Thị Kim Nh,** sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. ***Bị đơn***: Anh **Trần Đăng Q**, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Thị Kim Nh trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Đăng Q trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn vào ngày 08/5/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân và lần gần nhất là từ tháng 6/2019 đến nay không quan tâm tới nhau. Nay chị Nh xác định tình cảm vợ

chồng giữa chị và anh Q, không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Đăng Q có quan điểm: Anh xác nhận về điều kiện, thủ tục kết hôn giữa anh với chị Nh như chị Nh đã trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng, anh cho rằng: Nguyên nhân chính là do hai vợ chồng có nhiều bất đồng trong việc chăm sóc gia đình và nuôi dạy con dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Anh cũng xác nhận trong quá trình xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân và lần gần đây nhất là từ tháng 5/2019 đến nay. Nay chị Nh xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị Nh.

Về con chung: Chị Nh và anh Q đều xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Ngọc M, sinh ngày 09/10/2008 và cháu Trần Đăng Quang A, sinh ngày 17/12/2014. Tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/9/2019, cả chị Nh và anh Q đã thỏa thuận để chị Nh nuôi dưỡng cháu M, anh Q nuôi dưỡng cháu Quang A và không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tuy nhiên, ngày 26/9/2019 chị Nh có Đơn đề nghị thay đổi về việc nuôi con chung mà hai bên đã thỏa thuận ngày 19/9/2019 với lý do trong thời gian cháu Quang A ở với anh Q thì anh Q không cho chị biết cháu sống ở đâu, không cho chị gặp hay nói chuyện với cháu qua điện thoại và cũng không cho cháu đi học tại trường mà cháu vẫn theo học. Vì vậy, tại phiên tòa chị Nh xin nuôi cả hai cháu M và cháu Quang A hoặc chị sẽ nuôi cháu Quang A còn để anh Q nuôi dưỡng cháu M và không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Quan điểm của anh Q: anh không đồng ý với quan điểm của chị Nh và anh cho rằng cháu Quang A là cháu trai nên để anh trực tiếp nuôi dưỡng, cháu M là cháu gái để chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng sẽ phù hợp hơn khi sau này các cháu lớn lên.

Về tài sản chung; công sức; công nợ: Chị Nh và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nh, anh Q xuất trình tài liệu, chứng cứ với Tòa án về điều kiện công việc và thu nhập của mỗi người. Theo đó, chị Nh xuất trình Giấy xác nhận lương do Công ty TNHH TM CG Việt Nam cung cấp mức thu nhập hiện tại là 25.000.000đ/tháng; anh Q xuất trình xác nhận Đơn xin xác nhận lương do Công ty TNHH ĐT TM& Dịch vụ An Hòa Phát cung cấp mức thu nhập bình quân là 14.000.000đ/tháng. Ngoài ra, chị Nh, anh Q mỗi người còn đưa ra những hạn chế về điều kiện nuôi con của người kia để bảo vệ quan điểm xin nuôi con của mình..

Đại diện VKSND huyện Duy Tiên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố

tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Kim Nh và anh Trần Đăng Q; Về con chung: Giao chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc M, anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đăng Quang A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi chung. Về tài sản, công sức, công nợ của vợ chồng, do các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị Nh, anh Q mỗi người phải nộp 150.000đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên VKSND huyện Duy Tiên phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Kim Nh và anh Trần Đăng Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam đăng ký kết hôn vào ngày 08/5/2008, là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[2] *Về tình trạng hôn nhân*: Sau ngày cưới, vợ chồng chị Nh và anh Q chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tuy về nguyên nhân mâu thuẫn chị Nh và anh Q mỗi người đưa ra một lý do khác nhau, song cả hai thừa nhận mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được và cả hai đã sống ly thân nhau từ khoảng tháng 6 năm 2019 đến nay không ai quan tâm tới nhau. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa, cả chị Nh và anh Q đều xác định tình cảm vợ chồng giữa hai người không còn, nên cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Xét thấy, việc tự nguyện ly hôn giữa hai bên là phù hợp quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) cần xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nh và anh Q là phù hợp với Điều 55 Luật HNGĐ năm 2014.

[3] *Về con chung*: Chị Nh và anh Q đều xác nhận vợ chồng có hai con chung là: cháu Trần Ngọc M, sinh ngày 09/10/2008 và cháu Trần Đăng Quang A, sinh ngày 17/12/2014. Khi ly hôn, quan điểm của chị Nh và anh Q đều có nguyện vọng được nuôi cháu Quang A. Ngoài ra chị Nh cho rằng anh Q cản trở chị trong việc thăm cháu Quang A từ khi cháu ở với anh Q.

Tại phiên tòa, chị Nh, anh Q đã xuất trình tài liệu, chứng cứ để chứng minh về công việc hiện tại và thu nhập của mình đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung

Xét thấy, trước khi mở phiên tòa, chị Nh, anh Q đã tự thỏa thuận để cháu M ở với chị Nh, cháu Quang A đang ở với anh Q, hiện tại các cháu đang có cuộc sống ổn định. Tại phiên tòa chị Nh cho rằng trong thời gian cháu Quang A ở với anh Q, khi chị về thăm cháu, anh Q đã có hành động ngăn cản không cho chị gặp và nói chuyện với cháu. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Nh không đưa ra tài liệu nào chứng minh cho quan điểm của mình. Vì vậy, để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt của các cháu hiện tại cũng như nguyện vọng của cháu M muốn được ở với mẹ, HĐXX cần tiếp tục giao chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, giao anh Q nuôi dưỡng cháu Quang A cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp với các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật HN&GĐ. Do vậy, yêu cầu xin thay đổi nuôi con chung của chị Nh không được HĐXX chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, công sức, công nợ chung*: Chị Nh và anh Q không có yêu cầu gì, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí HNGĐ sơ thẩm*: Chị Nh và anh Q phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nh, và anh Q thỏa thuận để chị Nh chịu toàn bộ án phí HNGĐ sơ thẩm. Tại phiên tòa, chị Nh, anh Q vẫn giữ nguyên quan điểm này. Do vậy, Tòa án cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Chị Nh được đối trừ khoản tiền tạm ứng án đã nộp.

[6) *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Kim Nh và anh Trần Đăng Q.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị Kim Nh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc M, sinh ngày 09/10/2008; Giao anh Trần Đăng Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Đăng Quang A, sinh ngày 17/12/2014, kể từ tháng 10/2019 cho đến khi các

cháu trưởng thành, tự lập được. Chị Nh, anh Q không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật. Chị Nh, anh Q và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản anh Q, chị Nh trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, công sức, công nợ chung của vợ chồng: Do các đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

4. Án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị Nh và anh Q mỗi người phải chịu 150.000đ. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để chị Nh nộp số tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị Nh đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2015/0003083 ngày 12/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Nay chị Nh không phải nộp thêm.

Báo cho các đương sự là chị Nh và anh Q có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hà Nam.*
- *VKSND huyện Duy Tiên.*
- *Chi cục THADS huyện Duy Tiên.*
- *UBND xã Đ;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mạnh Xuân Hải